

DANH NHÂN VÙNG CÁT QUẢNG BÌNH NHÂN CÁCH TRƯỜNG TỒN MÃI VỚI THỜI GIAN

PGS.TS. NGÔ MINH OANH

Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

Không biết tự bao giờ trong dân gian lưu truyền câu “đất cát vất không được tu huyết” với hàm ý là người dân sống ở vùng cát khó có thể làm nên công nghiệp gì lớn. Nhưng lịch sử đã chứng minh không phải như vậy. Chính trên vùng cát khô cằn và khắc nghiệt đó, những con người có ý chí phi thường đã vươn lên khẳng định tài năng và nhân cách của mình; đóng góp cho Quốc gia và dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, được chính quyền tuyên dương công trạng, nhân dân ghi ơn và truyền tụng. Từ vùng cát huyện Lệ Thủy đến vùng cát huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, riêng dưới triều Nguyễn đã có nhiều danh nhân xuất chúng mà công trạng của họ còn được lưu truyền cho đến ngày nay.

Quảng Bình có vị trí trọng yếu là nằm trên con đường thiên lý huyết mạch từ Bắc vào Nam. Con đường thiên lý đó chạy xuyên qua tỉnh và ven theo những đồi cát chạy từ Nam chí Bắc. Trên con đường thiên lý đó, người dân vùng cát Quảng Bình đã chứng kiến biết bao sự kiện thăng trầm của đất nước và trực tiếp làm nên những sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ của một vùng đất, góp phần hình thành nên truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương.

Dọc con đường này, nhà Nguyễn đã cho đặt các dịch trạm. Trong Đại Nam nhất thống chí (Tập Quảng Bình, phần Dịch trạm), có đoạn “Ở hai xã (làng) Đặng Lộc và Phù Chính thuộc huyện Lệ Thủy, phía Nam đến trạm Trị Lập, tỉnh Quảng Trị 34 dặm lẻ, phía Bắc đến trạm Quảng Xá 24 dặm lẻ. Khi đầu niên hiệu Gia Long lệ đặt lính các trạm đều 80 người, năm thứ 9 khiến từ Quảng Bình vào Nam đến Bình Thuận mộ thêm dân ngoại tịch đều 20 người bổ vào lính trạm cho đủ số 100 người. Khi trước gọi là trạm Đặng Lộc, năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi làm trạm Quảng Lộc”¹. Đây là trạm đầu tiên của Quảng Bình tính từ phía Nam, nếu tính dọc theo đường thiên lý đến Hà Tĩnh có tất cả 6 trạm². Các dịch trạm đã góp phần làm cho người dân vùng miệt cát được tiếp cận với những biến động của triều đình và xã hội, có điều kiện hiểu biết và hội nhập vào dòng chảy của cuộc sống thời bấy giờ.

Trên vùng đất cát mênh mông, bạc phách một màu trắng, nghèo nàn dinh dưỡng, đến nỗi chỉ một số những loài cây thật dẻo dai thì mới sống được. Không ai chọn được vùng quê để sinh ra, con người chỉ lựa chọn được một thái độ sống trước những thách thức mà mình phải đối mặt trên vùng đất mà cha mẹ mình đã sinh mình ra. Và người dân miệt cát Quảng Bình nói chung và những danh nhân vùng miệt cát nói riêng đã lựa chọn một thái độ tích cực để kiên cường vượt lên số phận. Họ không chỉ sống, tồn tại

¹ Đại Nam nhất thống chí, Nha Văn Hoá, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Tập số 9, Sài Gòn, 1961, tr.161.

² Đó là các trạm Quảng Lộc, Quảng Xá, Quảng Ninh, Quảng Cao, Quảng Khê, Quảng Phú trong tổng số 12 trạm ở Quảng Bình.

mà còn để lại dấu ấn của mình trong lịch sử, được sử sách ghi lại và nhân dân ca tụng. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả không thể kể hết những gương mặt nổi tiếng mà lịch sử đã ghi nhận, chúng tôi chỉ trình bày những danh nhân tiêu biểu mà tài năng, đức độ của họ đã vượt thời gian và không gian, lưu truyền cho đến ngày nay. Đó là những người trong dòng họ Nguyễn Đăng ở làng Phù Chánh, xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy; Vũ Xuân Cẩn ở làng Hòa Luật Nam, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy; Lê Sỹ ở thôn Tiên, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh; Huỳnh Côn thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới; các danh nho làng Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch...

1. Các danh nhân vùng cát huyện Lệ Thủy

Vùng cát Lệ Thủy kéo dài từ xã Sen Thủy giáp huyện Vĩnh Linh cho đến xã Hồng Thủy giáp với huyện Quảng Ninh với những đồi cát chạy dài nối nhau thành hình lượn sóng. Từ con đường thiên lý đến bờ biển là những đồi cát bạt ngàn, nghèo chất dinh dưỡng không thuận lợi cho phát triển sản xuất. Cuộc sống nghèo nàn với những dãy nhà tranh lụp xụp tựa vào các đồi cát. Hiện tượng cát bay, cát chảy gây không ít khó khăn cho cuộc sống mưu sinh của con người. Tựa lưng vào những đồi cát trắng vô tận và biển cả mênh mông, mặt hướng về dải Trường Sơn hùng vĩ, vùng cát có địa thế sơn thủy hữu tình, cảnh quan nên thơ, nhưng thiên nhiên lại vô cùng khắc nghiệt. Đất đai chủ yếu là cát trắng bạc màu, ruộng đồng trũng thấp, quanh năm lụt lội. Mùa hè, gió Lào thổi hun hút mang theo cái nóng hầm hập. Mảnh đất “chưa nắng đã khô, chưa mưa đã lụt”, “gió Lào, cát trắng” đã làm cho vùng đất này nổi tiếng là nghèo khó, trong cái nghèo khó chung của vùng đất Quảng Bình: “Quảng Bình là đất Ô châu, ai đi đến đó quấy bầu về không”. Vậy mà những con người nơi đây đã bám trụ kiên cường với cát từ bao đời nay để mưu sinh và phát triển. Điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt là trở lực chung cho phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư trong suốt chiều dài lịch sử, nhưng gian khó cũng đã hun đúc nên chí can trường của những con người sinh ra và lớn lên ở nơi đây. Thật lạ kỳ trên những vùng đất cát hẹp và cằn cỗi đó đã xuất hiện nhiều danh nhân.

1.1. Các danh nhân dòng họ Nguyễn Đăng làng Phù Chánh, xã Hưng Thủy

Làng Phù Chánh thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình là một làng cát nằm trên con đường thiên lý từ Bắc vào Nam. Đây là một làng được thành lập khá sớm, khoảng năm 1471 dưới thời vua Lê Thánh Tông. Làng lúc đầu có tên là Phù Tông, đời Thiệu Trị do kiêng húy của vua nên đổi thành làng Phù Chánh. Kế sinh nhai của làng chủ yếu vẫn dựa vào những doi ruộng hẹp trước làng, còn chủ yếu vẫn dựa vào các thửa đất cát trồng khoai, sắn và các hoa màu khác. Trên dải đất nghèo này, con người đã vươn lên khẳng định mình trở thành những công thần triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX. Dòng họ nho sỹ Nguyễn Đăng ở đây từ đời ông đến cháu, chất đã nối tiếp đóng góp công lao cho triều đình cũng như cho đất nước.

Mở đầu dòng họ là Hiệp biện Đại học sĩ, Thượng thư *Nguyễn Đăng Tuân*, tự là Tín Phu, hiệu là Thận Trai, thụy là Văn Chính. “Buổi đầu đời Gia Long, do có học vấn, ông được công cử, vào làm việc ở viện Hàn lâm, đã từng làm tri huyện Ngọc Sơn, rồi về kinh sung chức tư giảng ở Công phủ, đổi làm thị giảng ở cung Chấn Hanh. Đời

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Minh Mạng năm thứ 1 (1820) bổ làm thêm sự bộ Lễ. là một người hết lòng với triều đình, Nguyễn Đăng Tuân đã nổi lên với những phẩm chất tiêu biểu:

- Khi làm quan, dù ở bất cứ cương vị nào cũng đều một lòng tận tụy vì công việc, có sáng kiến tâu trình nhà vua, thực hiện ích nước, lợi dân. Khi còn là thêm sự bộ Lễ, ông dâng sớ dừng một số việc để khoan thư sức dân; dâng 6 điều đề nghị thành lập viện Ngự sử, đặt chức Thái phòng sứ để xét chọn người tài, hạn chế tiêu phí tiền bạc vô ích, đặt nhà học, mở khoa ân thí...

- Khi được trao việc dạy bảo các hoàng tử thì dạy bảo nghiêm khắc, luôn đề xuất việc tổ chức dạy học cho có kết quả.

- Khi đến tuổi kiên quyết cáo lui khỏi chốn quan trường, được vua ban bổng lộc thì kiên quyết từ chối, bởi theo ông “phàm việc gì cũng nên để đức có thừa không hết về sau, làm quan nên lấy thanh bạch mà để cho con cháu”. Ông thọ 73 tuổi, được truy tặng là thiếu sự. Năm Tự Đức thứ 1 (1848), vua làm tặng 2 bài thơ và dụ rằng: Thân trai tiên sinh, trước sung tây tịch, giúp ích rất nhiều vẫn canh cánh trong lòng không thể thôi được. Sai mang thơ đem đến đọc để tế điện... sắc cho ty có chức trách dựng làm nhà thờ.³

Nguyễn Đăng Giai, con trai Nguyễn Đăng Tuân, đỗ hương tiến và đã từng trải qua các chức vụ: Lang trung bộ Hộ, Khảo trường Nghệ An, Bố chính Thanh Hóa, Tổng thống quân vụ đại thần, Tổng đốc Ninh Thái, Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên... Cũng như cha mình, ông là người tận tụy với triều đình, tính tình cương trực, tâu trình việc hành chính, việc quân không ngại hại đến bản thân. Trong quá trình làm quan của mình, Nguyễn Đăng Giai nổi bật lên những đặc điểm sau:

- Là người giữ nhiều trọng trách và cũng là người được vua phái đi nhiều nơi nhất, làm cả việc dân sự lẫn thông lĩnh việc quân, có việc không thành, nhưng nhiều việc thành công được vua đánh giá cao.

- Ông là người có nhiều tấu trình lên vua để cải tiến công việc ích nước, lợi dân, tính toán lợi hại đắp đê điều khi làm Tổng đốc Hà Ninh, đề xuất sáp nhập các huyện và hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, thay đổi điền địa, dân đinh khi được sung làm Hữu kỳ kinh lược đại sứ lĩnh Tổng đốc An Tĩnh, kiêm coi đạo Thanh Hóa... Ông cũng là người có công xây chùa Báo Ân khi làm quan ở đây.

- Nổi bật hơn cả ông là một nhà quân sự, từng giữ chức Tổng thống quân vụ đại thần cùng với Thống chế Hoàng Đăng Thận tiểu giặc ở Ninh Bình, Sơn Tây, Tuyên Quang, Cao Bằng... Ông từng đề xuất việc phòng thủ bờ biển khi làm Bố chính Thanh Hóa. Ông đã có lòng thương dân, biết phân biệt đâu là giặc cần phải đánh và đâu là người dân vô tội để bảo vệ. Ông đã từng nói “Trừ kẻ bạo ngược là cốt để yên dân, há có thể vì giặc ở Sơn Âm và một hai bọn nhỏ, bức bách phải theo giặc, mà đem hết nhân dân cả ba huyện bỏ vào dưới đồng lửa cháy ư?”⁴

- Nguyễn Đăng Giai là người là người cương trực, thẳng thắn. Ông đã tự thừa nhận “Thần tính ngu và thẳng, lúc ở thường nói năng, không khỏi trái ngược họ, phạm

³ Đại Nam liệt truyện, Tập 3, tr.236.

⁴ Sách đã dẫn, tr.247.

việc bàn luận, trong đó có điều khác, điều cùng, cho nên (họ) không thích với thân cùng hàng”.⁵

Tự Đức năm thứ 6, Nguyễn Đăng Giai ốm chết ở Hà Nội. Vua dụ rằng: “Nguyễn Đăng Giai đã từng thờ 3 triều, trung cần một tiết. Ra ngoài nhận coi một địa phương, vào kinh tham dự việc cơ mật, đã hơn hai mươi năm nay từ khi mang cờ tiết ra sai phái cúi mình làm hết sức khó nhọc, sửa sang cho việc biên cương, xông pha lam chướng”. Kẻ thế thân, đời đời làm quan trong nước, trọn ở lòng trầm, thực nên hậu gia điển chương khen thưởng, đề nêu người trung tiết, chuẩn cho tặng là Thiếu bảo, tên thụy là Văn Ý. Năm thứ 11, liệt vào thờ ở đền Hiền Lương”.⁶

Nguyễn Đăng Hành, là cháu Nguyễn Đăng Tuân, con trai đầu của Thượng thư Nguyễn Đăng Giai. Ông đỗ Tiến sĩ vào năm Tự Đức thứ 1, được bổ tập Hiền viện Biên tu, rồi thăng lên Thị độc, lĩnh Ấn sát tỉnh Quảng Ngãi, Bổ chính sứ Khánh Hòa... Công trạng và đức độ của Nguyễn Đăng Hành nổi bật ở mấy điểm sau đây:

- Ông là người ôn hòa, ham thích đọc sách, cũng như ông nội là một người tận tụy, hết lòng với triều đình cho đến cuối đời.

- Ông cũng là người có đóng góp nổi bật về quân sự, giúp vua dẹp giặc giữ yên xã hội. Đã từng được phong Bắc thứ thương biện quân vụ, đánh 13 trận ở vùng Thuận Thành, Bắc Ninh. Do tương quan lực lượng không cân sức lại không có quân tiếp viện nên bị giặc giết. Được vua truy thụy hàm Bổ chính sứ, hậu cấp cho người nhà. Sau liệt vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

Ngoài ra, dòng họ Nguyễn Đăng còn có *Nguyễn Đăng Củ*, con trai Nguyễn Đăng Hành đậu kỳ thi hương năm Giáp Thân (1884); *Nguyễn Đăng Cư* đậu kỳ thi hương khoa Mậu Ngọ (1818); *Nguyễn Đăng Hộ*, hàm Thị giảng có công đánh tiểu giặc; *Nguyễn Đăng Xuân*, Tri phủ Nghĩa Hưng Nam Định)...

Có lẽ ít có gia đình nào mà nhiều thế hệ đều đỗ đạt, đóng góp tích cực cho triều đình và mang lại lợi ích cho dân chúng như vậy.

1.2. Tứ triều nguyên lão Võ Xuân Cẩn, làng Hòa Luật Nam, xã Cam Thủy

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, công thần của các triều đại thì có nhiều, nhưng công thần cho liên tiếp bốn đời vua thì có lẽ rất hiếm. Võ Xuân Cẩn là một người đã cống hiến cho triều Nguyễn từ đời vua Gia Long đến đời vua Tự Đức, đã được phong “Tứ triều nguyên lão” có lẽ là một hiện tượng hiếm có trong lịch sử Việt Nam.

Võ Xuân Cẩn đầu niên hiệu Gia Long thọ Hàn lâm viện, làm đến Hình bộ Thượng thư, Hiệp biện Đại học sĩ, Bình Phú Tổng đốc, năm đầu Thiệu Trị thăng Ngự tiền Đại thần, Đông các Đại học sĩ, quản lý Lại bộ sự vụ, kiêm sung Hoàng thân Su bảo, quản lãnh Quốc Tử giám, sung Sứ quán Tổng tài. Năm Tự Đức thứ 5 (1852) gia chức Thái bảo, vua ban cho Ngự chế Thi chương, thọ 81 tuổi mất ở nhà vườn. Vua ngự đến cho gắm, đoan, lựa, vải và tiền, khiến quan đến tế, vua sắc soạn cho “Thần

⁵ Sách đã dẫn, tr.247.

⁶ Đại Nam liệt truyện, Tập 3, tr.250.

Đạo bia” đề chữ “Tứ triều nguyên lão” (Vị nguyên lão bốn triều). Năm thứ 11 (1858), liệt tự vào miếu Hiền Lương”⁷.

Võ Xuân Cẩn sinh ra và lớn lên ở làng Hòa Luật Nam, nay thuộc xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Làng của Võ Xuân Cẩn, phần lớn dân cư là từ vùng biển Hòa Bắc chuyển vào. Một phần của làng là cư dân làng Lợi Luật (Thanh Hóa) di cư vào, nên dân cư trong làng ngày càng đông đúc, sống năng động nhưng rất hòa thuận. Làng gồm có các họ như họ Võ, Lê, Ngô, Trần, Nguyễn... Người làng Hòa Luật Nam có truyền thống học hành, có nhiều người thi đỗ đạt cao.

Là một vùng đất bé nhỏ, nghèo khó nhưng trong các bộ sử lớn vùng đất Cam Thủy đã được nhiều lần nhắc đến. Trong bộ “Đại Nam nhất thống chí”, ở phần phong tục đã nhắc đến một số làng ở Lệ Thủy: “Dân tánh cần mẫn, tục thượng kiệm ước, địa hạt ít có đất bằng, chuyên lợi buôn bán, ở dọc núi nhờ lợi cỏ cây, ở gần sông biển sống về nghề đánh cá. Các xã (làng) Hòa Luật (xã Cam Thủy), Phò Chánh (xã Hưng Thủy) thường xưng là nơi văn hiến.”⁸ Trong cuốn “Ô châu cận lục” của Dương Văn An đã nhắc đến các làng trong xã với những ngành nghề truyền thống nổi tiếng như: “(làng) Hòa Luật làm nghề xẻ ván”, “(làng) Hoắc Đặng (Đặng Lộc, xã Cam Thủy) giỏi nghề bắt hổ”⁹...

Võ Xuân Cẩn đã được sinh ra, lớn lên trong một gia đình và dòng họ có truyền thống hiếu học và khoa bảng. Trong dòng họ Võ ở làng Hòa Luật Nam có ông Võ Đình Phương đỗ Hương tiến (Cử nhân) làm Ký lục ở Quảng Bình được phong tặng “Thái Thường tự khanh”. Ông Võ Xuân Nồng, là người có học, làm chức Ký lục ở Quảng Nam. Ông là người có công đưa Duệ Tông Thiếu đình Hoàng đế (tức là Nguyễn Phúc Thuần) vào Nam. Ông được phong “Chính Tự phượng khanh”. Một người nữa, ông Võ Hữu Sở, người anh em họ với thân sinh Võ Xuân Cẩn là một khâm sai trung thành với triều đình. Khi bị giặc bắt, ông đã khảng khái mắng lại quân giặc nên bị giết. Ông được phong “Tá lý Công thần Chánh Thị lang” và được liệt thờ trong đền Trung Nghĩa. Có thể nói, dòng họ Võ Xuân Cẩn là một dòng họ danh giá trong thời Nguyễn và tận trung với triều đình nhà Nguyễn.

Thuở nhỏ, Võ Xuân Cẩn là một người tính tình hiền hậu, thông minh, có chí dèn sách. Nhờ say mê chăm học mà ông đã thi đỗ Công sĩ, chuẩn bị một học vấn cần thiết để ra làm quan giúp vua trị nước, giúp đời.

Khi Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế lấy hiệu Gia Long, lập ra triều Nguyễn, Võ Xuân Cẩn được bổ vào viện Hàn lâm và là người đứng đầu viện Hàn lâm. Trong buổi ban đầu còn ngổn ngang của triều đình, Võ Xuân Cẩn thường theo xe vua cùng xông pha nơi chôn hiềm nguy, tâu bày hiến kế cho nhà vua ổn định việc nước. Khi công việc đi vào nề nếp, năm 1803, ông được bổ làm Tham hiệp trấn Hưng Hóa, sau đó đổi làm Cai bạ tỉnh Bình Định, rồi tiếp tục làm Hiệp trấn Sơn Tây.

Khi Minh Mạng lên ngôi, Võ Xuân Cẩn được cử làm Hiệp trấn Sơn Nam, đến năm Minh Mạng thứ 2 thì được gọi về bổ làm Đại Lý tự khanh và sau đó được thăng

⁷ Đại Nam nhất thống chí, Nha Văn Hoá, Bộ Quốc gia Giáo dục, Tập số 9, Sài Gòn, 1961, tr.184.

⁸ Đại Nam nhất thống chí, Sđd, tr.100.

⁹ Dương Văn An, Ô châu cận lục, tr.73.

làm Tả Tham tri bộ Hình. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), ông được cử làm Hiệp trấn Nghệ An. Khi vua cần ông lại về làm Tuyên Phủ phủ Hoài Đức, Thị lang Biện lý Bắc Thành (Hà Nội), Hình tào Gia Định và sau đó được thăng Thượng thư bộ Công.

Năm Minh Mạng thứ 14, Võ Xuân Cẩn được cử làm Tổng đốc Bình Phú (Bình Định - Phú Yên). Do công lao to lớn về sự tận tụy và sáng kiến trong công việc, ông được thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ, sau đó được gia hàm Thái tử Thái bảo. Đánh giá cao năng lực của Võ Xuân Cẩn, Minh Mạng đã triệu ông về kinh đô giao chức Đại tư Khấu (Thượng thư bộ Hình) kiêm giữ ấn của viện Đô sát, sung làm Thực lục Tổng tài.

Dưới thời vua Thiệu Trị, bước sang tuổi “thất tuần”, ông xin cáo quan về hưu. Nhưng vì tin vào tài năng và đức độ của Võ Xuân Cẩn, vua vẫn giữ ông lại và trọng dụng. Vua Thiệu Trị đã tấn phong cho ông chức “Thượng thư Đông các Đại học sĩ”, gia hàm Thái bảo quản lý công việc bộ Lại, đồng thời ban thếp bài ngọc chạm bốn chữ vàng “Ngự Triều Đại Thân”.

Đến thời vua Tự Đức, ngoài việc giữ lại các chức vụ như cũ, vua còn sung chức cho ông “Hoàng thân Sư Bảo”, sung Quốc Tử giám sự vụ.

Như vậy, trong 50 năm phụng sự triều Nguyễn, suốt cuộc đời làm quan của Võ Xuân Cẩn đã nổi lên những công hiến lớn sau đây:

- *Trước hết*, ông là một người tận tụy, tận trung với vương triều Nguyễn. Đạo làm tôi, “trung quân ái quốc” ông đã không nề hà vào Nam ra Bắc, dù ở chốn triều đình tôn nghiêm, danh giá hay ở các tỉnh, phủ ông đều tận tụy vì công việc. Võ Xuân Cẩn đã 8 lần giữ chức vụ ở các địa phương, 9 lần giữ chức vụ ở các bộ trong triều, nhưng ở đâu ông cũng hoàn thành công việc vua giao. Mặc dù nhận áo, mũ vua ban, ra làm quan giúp vua trị nước nhưng ông không lấy đó làm trọng. Làm đến Thượng thư hai bộ, đến Hiệp trấn các tỉnh, nhưng khi vua cần, giáng làm Tuyên Phủ ông vẫn vui vẻ nhận lời. Làm quan đối với ông cốt để giúp vua, giúp đời chứ không vì đó mà mưu cầu danh lợi.

- *Thứ hai*, ở chốn công đường, Võ Xuân Cẩn luôn là vị quan thanh liêm, công bằng, khách quan trong hành xử; dám có ý kiến và việc làm khác với triều đình để thay đổi những gì còn chưa hợp lý mang lại lợi ích cho dân; lo lắng cất nhắc người tài mà không cần ơn nghĩa.

Năm Minh Mạng thứ 5, dân Nghệ An đói kém, vua phái Võ Xuân Cẩn lo việc chẩn cấp cho dân đói Nghệ An không kể già trẻ, trai gái đều được cấp mỗi người một quan tiền, sáu bát gạo, trẻ nhỏ thì được cấp một nửa. Khi tiến hành cứu đói, dựa trên tình hình thực tế, Võ Xuân Cẩn đã làm khác: Cấp ít cho người còn khỏe mạnh, còn trẻ nhỏ mà xanh xao yếu đuối thì ông chẩn cấp nhiều hơn. Ông biết mình làm trái ý của triều đình nên tâu xin chịu tội vì chế. Vua phán rằng: “Nếu lợi cho dân, mà tự chuyên là việc nên làm vậy, nên không có tội gì”¹⁰. Vua lại hỏi ông về trộm cướp, giặc giã như thế nào, ông tâu trình hiến kế với vua rằng, do dân tình đói kém nên các gian đảng cũng đã giải tán dần, một số trà trộn vào dân xin phát chẩn, nếu bắt chúng thì không

¹⁰ Sách đã dẫn, tr.253.

khó. Nhưng việc trừng trị chúng triều đình đã có chính sách, không nên nhân chuyện phát chẩn mà bắt bớ làm cho dân phải kinh hãi. Vua nghe phải và nói với Võ Xuân Cẩn: “Khanh là người cũ của trẫm, không thể một ngày không ở bên tả, hữu trẫm được. Duy sau khi hạt Nghệ An bị đói kém, khanh nên vì trẫm vỗ về dân này, phạm những việc có tính cách ôn dân, cấm tráp trộm cướp, chuẩn cho tùy tiện mà làm rồi sau sẽ tâu lên. Vua lại sai Xuân Cẩn đi Nghệ An”.¹¹

Vào năm Minh Mạng thứ 19, khi đang làm quan ở Bình Định thấy tình cảnh của dân nghèo thiếu ruộng đất Võ Xuân Cẩn đã tâu với vua: “Tỉnh Bình Định ít ruộng công mà ruộng tư nhiều gần gấp 4 lần, kẻ cường hào giàu có kiêm tính cả, mà người nghèo không trông chờ vào đâu. Xin lượng làm hạn chế. Vua cho là mới bắt đầu làm, ngại có phần khó khăn. Năm Minh Mạng thứ 20, về kinh triều yết. Vua hỏi tới việc chia ruộng đã trình bày trước. Cẩn thưa rằng: Tỉnh Bình Định đất tốt, nhà làm ruộng 1 năm gặt 2 mùa, nhưng phần nhiều bị kiêm tính cả, người nghèo không có 1 thước, 1 tấc ruộng nào, nay nếu kiểm xét lấy ruộng của người giàu ra, chỉ để lại 1, 2 phần để làm thế nghiệp, còn số thừa ra, lấy để cấp cho nhân dân, thì hộ nghèo có chỗ trông chờ. Vua sai 6 bộ hội bàn, lời bàn dâng lên, vua quyết y cho làm, sai ông cùng với tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đến Bình Định thi hành phép chia đều ruộng, phải thêm thuộc viên theo làm phát giấy cho kho làm sổ sách. Tháng 10 năm ấy làm xong việc, về phụng mệnh. Vua khen và vui lòng lắm, ban thưởng cho. Lại cho là ông kiến nghị việc ấy đầu tiên, gia thưởng 1 cấp tước”¹².

Vào năm Tự Đức thứ 1 (1848), Võ Xuân Cẩn “dâng sớ xin gia ơn cho con cháu Anh Duệ Thái tử, nói rằng: Đế vương trị thiên hạ tất gốc ở thân người thân, lời nói thiết tha đúng lẽ, lại dâng sớ xin bỏ dùng con cháu bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, đại lược nói rằng: Sách Chu Lễ có tám điều được bàn¹³ để khoan cho người có tội, sách Tả truyện có đến mười đời được tha¹⁴ để đãi người có công. Lại nói rằng, cứ theo án đã thành, thì tội không thể chối được, nhưng xét về nguyên nhân phải tội, thì tình còn có thể thương được. Vua rất cảm động về lời nói đều cho thi hành cả”¹⁵.

Suốt cuộc đời làm quan, “Trong việc giải quyết kiện tụng thì ngài chỉ vì dân; trong việc uy nghi chế độ thì ngài ngăn ngừa những điều vô lễ. Ngài chỉ ngày đêm chăm chỉ, không hề trễ nãi lười biếng, làm hết trách nhiệm và khả năng của mình”... “Ngài một tay thông thạo trong việc chọn người. Âm thầm tiến cử người tài, nhưng bản thân người ấy không hề hay biết. Bởi vì người báo cáo khen ngợi bằng lời mà không để lại một mảnh giấy nào”. Trong Kinh thư lại nói “Không có kỹ xảo nào bằng tám lòng vui với đạo và có sự bao dung đối với họ”. Những câu ấy là người ta bảo ngài đây chăng ? Cho đến việc trong coi Quốc Tử giám, tu chính quốc sử, xem việc

¹¹ Sách đã dẫn, tr.254.

¹² Đại Nam liệt truyện, Tập 3, tr.225.

¹³ Tám điều nghị: 1. Nghị thân, 2. Nghị cố, 3. Nghị hiền, 4. Nghị năng (tài năng), 5. Nghị công, 6. Nghị quy, 7. Nghị cần (siêng năng), 8. Nghị tân (khách).

¹⁴ Tả truyện đời Tô Trương Công năm thứ 21, Phúc Hưởng bị tù, Tấn Hầu hỏi Nhạc Vương Phụ về tội Phúc Hưởng. Vương phụ thưa: Phúc Hưởng là người nhiều mưu mà ít lỗi, làm ơn dạy bảo không môi để giữ bền cho xã tắc, nên con cháu 10 đời về sau có tội lỗi còn nên tha để khuyên người tài năng sau này.

¹⁵ Sách đã dẫn, tr. 226.

học hành của các hoàng tử. Hầu hết các chức vụ trọng yếu trong triều đình trên hoặc dưới ngài, ngài vẫn cho mình thua kém. Ngài cho rằng những điều hay việc tốt là do mọi người làm nên. Bởi thế cho nên ngài là người có khả năng giữ cho đất nước thái hòa”.¹⁶

Năm Tự Đức thứ 5 (1852), Võ Xuân Cẩn lại “lấy cớ là tuổi già cố xin về, vua y cho, sai Nội các đến hỏi, những việc nên thường làm. Với tấm lòng trung nghĩa và thương dân và tâm huyết của mình, ông vẫn tâu trình bốn việc: 1- Năm được mùa giá thóc rẻ, đặt giá thêm lên đong vào, gặp năm mất mùa đem ra chẩn cấp. 2- Lính ở miền Nam thì 6 đình giảm đi 1 lính, miền Bắc thì hàng năm về Kinh thao diễn, rồi lưu lại việc làm 6 tháng. Lính ở kinh thì đầu xuân điếm duyệt xong, chia làm 2 ban, một ban ở lại, một ban về. 3- Con trai, con gái, em và cháu (gọi bằng chú bác) của quan văn, quan võ từ tam phẩm trở xuống được lấy nhau; nếu có người nào theo làm việc mà xuất thân do văn khoa võ tuyển, thì cho phép cùng được bổ dụng. 4- Xin phong cho mẹ đẻ của viên nguyên Lạng Sơn Án sát đã chết là Mai Anh Tuấn. Vua sai chọn lấy đề thi hành. Tháng 2, cho được lấy chức Thái bảo về hưu trí, hàng năm chỉ cho một nửa lương thưởng cho và ơn ban ưu số hậu”¹⁷. Cho đến những ngày cuối cùng nơi chốn quan trường ông vẫn đau đầu một nỗi lo cho xã tắc, triều đình và lo cho dân.

Thứ ba, dù làm quan ở chốn cung đình quyền cao, chức trọng, luôn được vua sùng ái, nhưng Võ Xuân Cẩn đã không vì thế mà tham quyền cố vị. Suốt cả thời Thiệu Trị và Tự Đức, ông luôn trong tâm thế muốn xin về hưu trí khi thấy mình tuổi cao, sức yếu. “Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), ông lấy cớ là tuổi quá 70, dâng sớ xin nghỉ việc. Vua bảo rằng: Nước có bề tôi già, là điềm hay của thịnh triều, không cho nghỉ”¹⁸. Đến thời Tự Đức, năm Tự Đức thứ 5 (1852), ông lại lấy cớ tuổi già cố xin về”, lần này thì “Vua y cho”, nhưng vô cùng tiếc nuối.

Võ Xuân Cẩn có người con gái với bà Trần Thị sinh vào năm Minh Mạng thứ 9, sau này trở thành Dục tôn Lệ Thiên Anh hoàng hậu - vợ của vua Tự Đức. Ngay từ nhỏ, Lệ Thiên Anh Hoàng hậu đã “nhàn tĩnh, đoan nhã, thích xem sách vở, hiểu nội tắc”. Năm Thiệu Trị thứ 3, được tuyển vào hầu Dục Tôn Anh Hoàng đế ở nhà riêng. “Hậu đức thì đoan trang, nét thì thực thận”, thờ Nghi Thiên Chương Hoàng hậu ở Đông triều rất được mẹ chồng vui vẻ. Khi Tự Đức lên ngôi, bà được phong làm cung tần và sau đó được phong làm Cẩn phi. Vua Tự Đức đã hết lời khen ngợi bà: “Yêu thay cung tần Võ thị, ra tự thể phiệt, đức tốt ngọc quỳnh. Nội trị tu tề, kính theo phụ đạo. Thờ mẹ yên tĩnh được vui tâm tư. Bèn theo điển lễ để tỏ ân to, đặc cách tấn phong làm cẩn phi. Người nên kính mang ân vinh, càng chăm nét tốt. Đọc coi đồ sử, để giúp đỡ vương phong, bàn bạc phúc nhân, còn hưởng lâu sung mạnh”¹⁹.

Đến năm Tự Đức 15, bà được tấn phong Hoàng quý phi, suất nhiếp sáu viện. Vua dụ rằng: “Trong cung vi là gốc phong hóa, không thể không đặt người ra để xướng suất cung nhân, chấp hành phụ đạo. Trung phi Võ thị, con nhà danh gia, kính vâng

¹⁶ Trích văn bia Tứ triều nguyên lão tại làng Hòa Luật Nam, xã Cam Thủy.

¹⁷ Đại Nam liệt truyện, Tập 3, tr.228.

¹⁸ Sách đã dẫn, tr.225.

¹⁹ Đại Nam liệt truyện, Tập 3, tr.67.

tuyển cho hầu ta. Cùng có đức hạnh nên cất nhắc lên. Vậy tấn phong làm Hoàng quý phi, suất nhiếp sáu viện”²⁰

Khi vua mất, vua để lại di chiếu “tôn bà làm Hoàng hậu, trị việc trong nhà để dạy tứ quân”. Triều đình muốn bà ngự ở điện Cao Minh để đến bái kiến và dâng cơm, nhưng bà từ chối “liền đi xe ở Ôn Khiêm Đường vắng châu điện Lương Khiêm”²¹. Năm Thành Thái thứ 14, Thiên Anh Hoàng hậu mất, thọ 75 tuổi.

Trong văn bia Tứ triều nguyên lão đã viết: “Một gia đình trên thuận dưới hòa thì năm phúc lớn (1. Sống lâu; 2. Giàu có; 3. Bì nan khang thái; 4. Tràn đầy đức tốt; 5. Suốt đời gặp điều tốt lành) được trọn vẹn, con cháu mãi mãi sau này đều thuộc vào hạng người cân đai sặc sỡ “ở chốn triều đình”. Ngài (Võ Xuân Cẩn) sinh ra người con gái đầu lòng như viên ngọc quý. Trên thì bà giúp đỡ chăm sóc nhà vua, dưới thì hòa mục với 6 cung (Vợ vua có sáu bậc cung phi)”²².

Như vậy, gia đình Võ Xuân Cẩn đã tận trung với triều đình nhà Nguyễn, cả cha và các con đều một lòng khiêm nhường, tận tụy với triều đình. Nếp gia phong, cả cha và con đều là những gương sáng, không tham danh lợi trước những ân sủng của vua, thanh thân chọn cho mình con đường thoái lui khỏi chốn triều đình xa hoa khi tự thấy không còn cần thiết.

Khi đã về già, Võ Xuân Cẩn đã chọn cho mình một cuộc sống thanh thản. “Những ngày rảnh rỗi ngài đi thăm những nơi tôn nghiêm, vườn hoa, cây cảnh để thanh thản tuổi già, khiến cho tất cả những ai trong triều đều gọi ngài là bậc “Lão thành”, thiên hạ tôn ngài là hạng người “Tam đạt” (Tức cao, Đức lớn, Sống lâu). Nếu ngài không phải là hạng người trung can, cần mẫn thì đâu dễ thanh chúa tin yêu; không phải là hạng người khiên tốn, hòa nhã thì đâu đủ để gom nhiều phúc lớn. Ngài sống lâu cũng nhờ những đức tính ấy. Từ đó mà suy ra, cái phong độ của một con người trung thành và hậu thực là nhờ sự giáo dục ở trong gia đình”²³.

Năm Tự Đức thứ 4, Võ Xuân Cẩn đã 80 tuổi, vua làm 2 bài thơ và đào trâm bảo cùng cái gậy đầu có chim curu 9 đốt để mừng thọ. Vua đã ví ông với những nhân vật nổi tiếng của Trung Hoa như Bá Thủy, Văn Công. Khi được hưu trí về làng, dù “đạo cao, đức trọng” nhưng ông không hề xa cách với dân làng. Nhà ông không bao giờ vắng khách đến thăm hỏi.

Còn triều đình thì vẫn không quên ông: “Vua sai Bộ chính Quảng Bình mang tờ dụ đến nhà hỏi thăm sức khỏe, lại sai trung sứ mang thứ thuốc bổ dưỡng của vua dùng đến ban cho. Tháng 4 năm ấy ông mất, thọ 81 tuổi. Vua thương tiếc lắm, sắc hậu cấp vàng lục sửa việc tang, sai quan đến tế²⁴, cho tên Thụy là Văn Đoan. Lại sai bộ Lễ đem bài thơ và bài minh ở bia của vua làm cho khắc vào đá dựng ở chỗ làng, nhan đề

²⁰ Sách đã dẫn, tr.68.

²¹ Sách đã dẫn, tr.69.

²² Trích văn bia “Tứ triều nguyên lão” tại làng Hòa Luật Nam.

²³ Trích văn bia tại làng Hòa Luật Nam.

²⁴ Đoàn của triều đình gồm có: Nguyễn Cửu Trường, Nguyễn Tư Giản và Phạm Thanh.

rằng: “Tứ triều nguyên lão” (Ông lão có đức vọng lớn ở bốn triều). Năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương”²⁵.

Còn nhiều đức lớn và công lao của Võ Xuân Cẩn đối với triều đình và nhân dân mà không thể nói hết trong một bài viết ngắn ngủi này. Những gì mà Đông các Đại học sĩ Võ Xuân Cẩn đã làm được đủ để tôn vinh và lưu nhớ. Điều đáng nói, là một người con Quảng Bình, ông đã làm rạng danh cho quê hương và trở thành tấm gương về tài năng và đạo đức để muôn đời con cháu ngợi ca và học tập.

2. Các danh nhân vùng cát Quảng Ninh, Quảng Trạch

Vùng cát từ huyện Quảng Ninh đến hết huyện Quảng Trạch trước đây cũng là những vùng quê nghèo. Người dân ở vùng đất này cũng cần cù, chịu thương chịu khó để tồn tại và đi lên. Ngoài nghề nông, những làng cát vùng này còn có nghề đi biển, bám biển, đối diện với biển để mưu sinh với những bất trắc khôn lường đã rèn nên ý chí và bản lĩnh con người. Và vùng cát ở đây lại sản sinh ra những danh nhân cho quê hương và đất nước.

2.1. Lê Sĩ làng Võ Xá, huyện Quảng Ninh

Lê Sĩ tên húy là Nhân, sinh năm 1916 tại thôn Tiên, làng Võ Xá, huyện Phong Lộc, nay là xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống võ tướng. Cụ cố của ông dưới thời Nguyễn Phúc Khoát được phong tước Tín Nghĩa Đô; ông nội ông được sắc phong Chương vệ phẩm đồng tướng quân thời Nguyễn Phúc Thuần và cha của ông được phong hàm Chương vệ thủy trang phẩm cầm y vệ, có danh tiếng dưới thời vua Minh Mạng và Thiệu Trị. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống võ tướng, Lê Sĩ đã kế thừa được truyền thống gia đình, có những đóng góp quan trọng về quân sự và ông cũng đã chiến đấu quên mình với kẻ thù dân tộc là thực dân Pháp và anh dũng hy sinh trên mặt trận. Sự nghiệp của Lê Sĩ có thể khái quát trên một số những đóng góp sau đây:

- Trong lĩnh vực dân sự, ông luôn được triều đình trao những trọng trách ở những địa phương có vị trí đặc biệt hoặc có loạn để bình ổn tình hình: Năm 1862, ông được bổ làm Đề đốc tỉnh Bình Thuận, vùng đất giáp với Nam Kỳ thuộc pháp, nơi cần có những ứng xử thật mềm dẻo nhưng phải giữ những nguyên tắc cơ bản. Năm 1864, vua Tự Đức giao cho ông đảm nhận chức Đề đốc Bắc Ninh, nơi xảy ra nạn cướp và thổ phỉ mà các quan cai quản ở đây không dẹp được...

- Ông còn được vua cử tham gia tổ chức các kỳ thi do triều đình tổ chức: Tháng 6/1868, ông cùng Thượng thư bộ Lễ Phạm Huy Định làm giám thị cuộc thi phúc hạch ban võ, lấy đỗ 5 người tiến sĩ và 20 người phó bảng. Tháng 5/1871, cùng Tham tri bộ Binh Phạm Đình Bình làm giám thị kỳ thi phúc thứ lấy võ phó bảng, chọn được 5 người. Công việc sát hạch dưới sự đảm trách của ông luôn được công bằng nghiêm túc, được triều đình tin tưởng giao phó.

- Đóng góp nổi bật và quan trọng nhất của ông là trên lĩnh vực quân sự: Ông đã lần lượt giữ các chức Chương quản hữu và tả dực doanh vũ thống chế; Lãnh binh tỉnh Ninh Bình; Binh vệ úy; Đốc binh quân thứ Quảng Nam; Đô thống chương phủ sự...

²⁵ Đại Nam liệt truyện, tr.229.

dù ở cương vị nào, ở địa phương nào ông cũng hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc. Ông đã chỉ huy nhiều trận đánh xuất sắc, đặc biệt là trong trận chiến không cân sức giữa quân triều đình với quân Pháp ở cửa biển Thuận An. Với chức vụ là Hữu quân Đô thống Chưởng phủ sự, ông trực tiếp chỉ huy chống lại quân Pháp đổ bộ lên Thuận An để dọn đường tiến chiếm Huế. Mặc dù bị thương nặng, nhưng ông vẫn tiếp tục chỉ huy chiến đấu và hy sinh anh dũng tại trận địa.

Với những công hiến của ông, vua Hiệp Hòa đã xuống chỉ cho các quan ở các địa phương tế lễ một tuần và truy tặng danh hiệu “Kiên dũng tử” để ghi nhận tấm lòng “Trung quân ái quốc” của ông. Vua ban tặng nhiều vật phẩm quý, cấp tự điền để hàng năm cúng tế và đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

2.2. Phó bảng, Thượng thư Huỳnh Côn, làng Trung Bình, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh

Huỳnh Côn sinh năm 1850 trong một gia đình nhà nho nghèo có cha làm nghề bốc thuốc chữa bệnh. Năm 1867, đi thi Hương đỗ Tú tài, năm sau đỗ Cử nhân khi mới 18 tuổi. Và đến năm 1877, dưới thời vua Tự Đức, ông đi thi Đình và đỗ Phó bảng.

Cũng như những người đỗ đạt khác, Huỳnh Côn đã tham gia và guồng máy quan lại của triều đình nhà Nguyễn. Từ thời Tự Đức đến thời Duy Tân, ông đã làm việc ở nhiều bộ từ bộ Hộ, bộ Công, bộ Lễ. Ông được giao làm Phụ chánh Thân Thành, giúp vua Duy Tân lúc còn nhỏ, là thầy giảng văn sách cho vua. Ông cũng được bổ đi làm quan ở nhiều địa phương, từ Tri huyện Nam Xương (Nam Định), Án sát tỉnh Phú Yên đến Phủ doãn Thừa Thiên...

Ông làm đến chức Thượng thư bộ Lễ chăm lo đến công việc triều chính với những ứng xử rất phức tạp của triều đình với Pháp lúc bấy giờ. Ông cũng là người quan tâm và rất am hiểu về giáo dục, vì thế triều đình cử ông tham gia vào cải cách giáo dục cho cả nước. Ông cũng đã ủng hộ việc lập ra bộ Học và làm việc ở bộ Học để chăm lo và đẩy mạnh giáo dục.

Cuộc đời của Huỳnh Côn đã để lại một tấm gương sáng cho hậu thế. Dù bất cứ cương vị nào, ông luôn là một vị quan mẫn cán với công việc, tận tụy với triều đình, luôn quan tâm đến nhân dân. Ông cũng là một vị quan thanh liêm, mặc dù đã đạt đến đỉnh cao của danh vọng nhưng ông luôn lấy cuộc sống thanh bạch làm lối sống. Khi về hưu trí không nghỉ ngơi mà lại làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho dân và viết sách để lại cho hậu thế.

2.3. Lịch sử cũng đã ghi nhận có một làng cát Cảnh Dương, Quảng Trạch có truyền thống hiếu học nổi danh qua nhiều đời. Chỉ trong một làng đã có tới 2 tiến sĩ, 12 cử nhân, 120 tú tài. Bia vinh danh những người đỗ đạt đã được dựng lên ở làng để tôn vinh người có học và để giáo dục con cháu. Tấm bia “Cảnh Dương xã từ vũ bi ký” được dựng năm Bính Thân (1836) và “Văn hội tích bi ký” đã ghi lại đầy đủ những người đỗ đạt trong làng. Đã có Đỗ Đức Huy đỗ sinh đồ khoa thi Bính Tý năm 1756. Vốn người thông minh, chuyên tâm mài dùi mài kinh sử, nhưng sau khi đỗ đạt ông không ra làm quan mà về quê mở trường dạy học cho con em trong làng. Phạm Chân đỗ Tiến sĩ khoa thi Mậu Tuất (1838) và Nguyễn Phùng Dực đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Kỷ Dậu

(1849) đều là những người có công đóng góp cho quê hương, đất nước. Người Cảnh Dương có truyền thống hiếu học, nhiều người học hành đỗ đạt ra làm quan từ tri phủ, tri huyện, án sát, tuần vũ, đốc học...

3. Một vài suy ngẫm

- Cũng như các vùng đất khác, vùng cát tỉnh Quảng Bình, vùng đất phía Đông đối mặt với biển cả nhưng đã cống hiến cho quê hương, đất nước những danh nhân trên các lĩnh vực, tận tụy với dân, với nước. Từ vùng đất nghèo khó trong các vùng quê nghèo khác của Quảng Bình, các danh nhân đã vươn lên khẳng định mình bằng một nghị lực phi thường của nội lực, của chính bản thân thông qua con đường học hành, khoa cử và bằng năng lực thực tế mà được triều đình trọng dụng, cất nhắc và được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

- Những danh nhân vùng cát đã sinh ra, lớn lên trong gian khó vì thế mà họ không cậy tài năng, chức tước, sống một đời sống quan trường vì dân, vì nước. Họ lo lắng và quan tâm cho dân, tìm cách có lợi cho dân để không quan tâm đến việc làm có thể ảnh hưởng đến bản thân mình. Một Võ Xuân Cẩn thấy dân nghèo không ruộng đất mà tâu trình về cải cách điền địa ở Bình Định, dù việc đó biết là rất khó. Một Nguyễn Đăng Giai khi dẹp loạn cũng nghĩ đến phân biệt đâu là kẻ làm loạn và đâu là người bị lôi kéo để tránh oan ức cho dân lành. Một Lê Sĩ khi làm Đề đốc Bình Thuận thấy đất đai khô cằn, dân chúng nghèo khổ đã không quên đốc thúc quan lại địa phương quan tâm đến nông nghiệp, đào mương, dẫn nước để sản xuất cho đời sống dân chúng khá lên.

- Danh nhân vùng cát Quảng Bình thành công trên nhiều lĩnh vực từ văn đến võ. Văn thì từ những công việc triều chính đến những cải cách điền địa, tài chính, ngân sách, đến văn chương, sử sách và cả việc dạy học cho hoàng tử, hoàng hậu... đều thành công và để lại dấu ấn trong công việc mà mình đảm trách. Võ thì có công dẹp loạn, cải cách quân đội, bố trí phòng thủ biển, khảo thí, sát hạch quan võ, trực tiếp chỉ huy chiến đấu, có người đã hy sinh vì sự nghiệp chống thực dân...

- Danh nhân vùng cát Quảng Bình không chỉ dừng lại những cá nhân xuất thân từ gian khó để khẳng định mình mà đã hình thành nên những dòng họ, những làng có truyền thống học hành, khoa bảng... từ đó hình thành nên truyền thống một vùng đất đặc thù chạy suốt triền phía đông của tỉnh, lớp sau nối lớp trước tạo nên một dòng chảy không ngừng nghỉ cung cấp cho quê hương, đất nước những danh nhân giúp ích cho đời.

Tóm lại, từ những danh nhân vùng cát Quảng Bình cho thấy người tài đức không phải là đặc quyền của một vùng đất nào đó, nó chứng minh rằng ở đâu có những con người giàu nghị lực về học vấn; ở đâu có những con người nuôi khát vọng cống hiến cho quê hương đất nước; ở đâu có truyền thống cần cù, hiếu học thì ở đấy sẽ có danh nhân. Vùng cát Quảng Bình là một vùng đất như thế.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Văn An (1961), *Ô châu cận lục*, Văn hóa Á Châu, Sài Gòn.

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

2. Nguyễn Đức Cung (2006), *Quảng Bình chín trăm năm nhìn lại 1075-1975*, Tập 1, Nxb Nhật Lệ, Hoa Kỳ.
3. *Đại Nam nhất thống chí (1961)*, Tập tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, Tập số 9, Nha Văn hóa Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
4. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Hội Đồng hương Lê Thủy tại TP. Hồ Chí Minh, Tập san Kiến Giang, Tập 1, 2, 3.
6. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2005.
7. *Lịch sử Đảng bộ huyện Lê Thủy*, Tập 1 (1930-1954), 1996.
8. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, Tập 1, (1930-1954) (Sơ thảo).
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, Tập 1, 2, 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
11. Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1997), *Đại Việt địa dư toàn biên*, Viện Sử học, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
12. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
13. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình (2012), Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia về “*Danh nhân Quảng Bình*”, Đồng Hới, tháng 7/2012.